

Số: 833/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám định tư pháp xây dựng, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các văn bản sau đây:

1. Quyết định số 1207/QĐ- BXD ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Quyết định số 579/QĐ-BXD ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, PC (KSTT), GD.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà

www.LuatVietnam.vn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ HỦY BỎ HOẶC BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG, KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 833 /QĐ-BXD ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp Trung ương			
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: hệ thống cốp pha trượt; hệ thống cốp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng)	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Bộ Xây dựng
2	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Bộ Xây dựng

3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Bộ Xây dựng
4	Cấp Chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
5	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BXD-260013-TT	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động xây dựng; - Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành 	Giám định tư pháp xây dựng	Bộ Xây dựng

			xây dựng (quy định này thay thế Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ Xây dựng ban hành).		
2	B-BXD-260017-TT	Đăng ký, công bố thông tin đối với cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhu cầu là người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc; tổ chức tư vấn là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhu cầu là tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2, Điều 3 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD). 	Giám định tư pháp xây dựng	Bộ Xây dựng

3	B-BXD-260020-TT	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Bộ Xây dựng đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD). 	Giám định tư pháp xây dựng	Bộ Xây dựng
---	-----------------	--	--	----------------------------	-------------

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1	B-BXD-260013-TT	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD). 	Giám định tư pháp xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	B-BXD-260017-TT	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD). 	Giám định tư pháp xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

		tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động			
3	B-BXD-260020-TT	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD). 	Giám định tư pháp xây dựng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BXD-258601-TT	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 - Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng 	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

		nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng			
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	B-BXD-258807-TT	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	- Luật Xây dựng năm 2014 - Điều 32 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

4. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính hoặc lý do hủy bỏ, bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BXD-258643-TT	Thông báo thông tin về công trình của chủ đầu tư đến Bộ Xây dựng, Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị	Xây dựng	Bộ Xây dựng, Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Công an và

			định số 63/2010/NĐ-CP (ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC) và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP (ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC)		Bộ Quốc phòng
2	B-BXD-258780-TT	Tạm dừng thi công và cho phép tiếp tục thi công thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
3	B-BXD-258782-TT	Báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh/thành phố hàng năm của UBND cấp tỉnh	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Bộ Xây dựng
4	B-BXD-258789-TT	Báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng do Bộ Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Bộ Xây dựng
5	B-BXD-258798-TT	Báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị	Xây dựng	Bộ Xây dựng

		dựng do Bộ - Cơ quan ngang Bộ quản lý	định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP		
6	B-BXD-258803-TT	Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng và quyết định cho phép thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng sau khi đã khắc phục sự cố của Bộ Xây dựng	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Bộ Xây dựng
7	B-BXD-253179-TT	Xét tặng Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Thủ tướng Chính phủ	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Hội đồng Quốc gia phối hợp với Cơ quan Thường trực GTQG trực thuộc Bộ
8	B-BXD-253183-TT	Xét tặng Giải thưởng Công trình chất lượng cao thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Hội đồng xét thưởng phối hợp với Cơ quan Thường trực GT Công trình chất lượng cao trực thuộc Bộ
9	B-BXD-253191-TT	Xem xét việc thu hồi giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Thủ tướng Chính phủ	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Hội đồng Quốc gia phối hợp với Cơ quan Thường trực GTQG trực thuộc Bộ
10	B-BXD-253193-TT	Xem xét việc thu hồi giải thưởng công trình chất lượng cao thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Hội đồng xét thưởng phối hợp với Cơ quan Thường trực GT Công trình chất lượng cao trực thuộc Bộ

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1	B-BXD-259010-TT	Thông báo thông tin về công trình của chủ đầu tư đến Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành
2	B-BXD-259014-TT	Tạm dừng thi công và cho phép tiếp tục thi công thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành, UBND cấp tỉnh.	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành
3	B-BXD-259053-TT	Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng và quyết định cho phép thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng sau khi đã khắc phục sự cố thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành, UBND cấp tỉnh.	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành, UBND cấp tỉnh
4	B-BXD-259055-TT	Báo cáo UBND cấp tỉnh về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh/ thành phố của Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện.	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành, UBND cấp tỉnh

C. Thủ tục hành chính cấp huyện

1	B-BXD-259061-TT	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối	- Luật Xây dựng năm 2014 - Nghị định số	Xây dựng	UBND cấp huyện
---	-----------------	---	--	----------	----------------

		với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng		
2	B-BXD-259063-TT	Tạm dừng thi công và cho phép tiếp tục thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	UBND cấp huyện
3	B-BXD-259065-TT	Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng và quyết định cho phép thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng sau khi đã khắc phục sự cố thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	UBND cấp huyện
D. Thủ tục hành chính cấp xã					
1	B-BXD-037544-TT	Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng và quyết định cho phép thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng sau khi đã khắc phục sự cố thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Chuẩn hóa lại theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 thì không thuộc phạm vi công bố theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Xây dựng	UBND cấp xã

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, GIÁM ĐỊNH TƯ
PHÁP XÂY DỰNG, KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ XÂY DỰNG

A. Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: hệ thống cáp pha trượt; hệ thống cáp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động gửi Bộ Xây dựng 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận;

- Nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ về trụ sở Bộ Xây dựng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp;

- Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định;

- Danh mục tài liệu kỹ thuật;

- Tài liệu về kiểm định viên bao gồm:

+ Bản sao Chứng chỉ kiểm định viên;

+ Bản sao hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động.

- Tài liệu về người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định bao gồm:
 - + Bản sao bằng đại học;
 - + Văn bản chứng minh kinh nghiệm kiểm định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

1.8. Lệ phí, phí: Nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; mẫu danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định; mẫu danh mục tài liệu phục vụ hoạt động kiểm định; mẫu danh sách phân công kiểm định viên; mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng các điều kiện:

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, được phép cung ứng dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

- Có đủ tài liệu kỹ thuật về từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định theo quy trình kiểm định.

- Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

- Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật và đã trực tiếp thực hiện việc kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tối thiểu 03 năm.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;
- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2. Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng

2.1. Trình tự thực hiện:

- Ít nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn trong Giấy chứng nhận, tổ chức có nhu cầu gia hạn gửi Bộ Xây dựng 01 bộ hồ sơ đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận;
- Nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng có trách nhiệm thẩm định và gia hạn Giấy chứng nhận. Trường hợp không gia hạn Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ về trụ sở Bộ Xây dựng.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ:
- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận;
 - Giấy chứng nhận đã được cấp;
 - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp (nếu có sự thay đổi);
 - Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định (nếu có sự thay đổi);
 - Danh mục tài liệu kỹ thuật (nếu có sự thay đổi);
 - Tài liệu về kiểm định viên (nếu có sự thay đổi);
 - Tài liệu về người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định (nếu có sự thay đổi);

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được gia hạn.

2.8. Lệ phí, phí: Nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ Tài chính.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận; mẫu danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định; mẫu danh mục tài liệu phục vụ hoạt động kiểm định; mẫu danh sách phân công kiểm định viên; mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có nhu cầu gia hạn.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng

3.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động gửi Bộ Xây dựng 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận;

- Nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ tài chính;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng có trách nhiệm thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ về trụ sở Bộ Xây dựng.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận;

+ Giấy chứng nhận đã được cấp;

+ Tài liệu chứng minh thay đổi về điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

- Đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;
- + Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp bị hỏng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

3.8. Lệ phí, phí: Nộp phí thẩm định theo quy định của Bộ tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận; mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có bổ sung, sửa đổi điều kiện cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy chứng nhận bị hỏng, bị mất.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;
- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

4. Thủ tục cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng

4.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ kiểm định viên lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng để đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm cấp Chứng chỉ cho kiểm định viên. Trường hợp không cấp Chứng chỉ kiểm định viên phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ về cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên có thể gửi cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ:
- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên;
 - Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học của người đề nghị cấp chứng chỉ có chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu;
 - Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 9 Nghị định 44/2016/NĐ-CP;
 - Giấy chứng nhận sức khỏe trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị;
 - Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân;
 - 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp Chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ kiểm định viên.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên.

4.8. Lệ phí, phí: không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên; mẫu chứng chỉ kiểm định viên tại Phụ lục Ic ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ kiểm định viên được cấp cho cá nhân bảo đảm tiêu chuẩn của kiểm định viên như sau:

- Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định;
- Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc;

- Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;

- Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm ngày 01/7/2016.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

5. Thủ tục cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng

5.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ cho kiểm định viên. Trường hợp không cấp lại chứng chỉ kiểm định viên phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

+ Bản gốc chứng chỉ đã được cấp;

+ Tài liệu chứng minh sự phù hợp của yêu cầu bổ sung, sửa đổi;

+ 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp lại chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 6 tháng, kể từ ngày đề nghị.

- Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên khi hết hạn bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

+ Bản gốc chứng chỉ đã được cấp;

- + Kết quả sát hạch trước khi cấp lại;
- + Giấy chứng nhận sức khỏe trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.
- Trường hợp chứng chỉ kiểm định viên bị hỏng hoặc mất, hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;
 - + Bản sao chứng chỉ kiểm định viên (nếu có) hoặc số hiệu kiểm định viên đã được cấp;
 - + 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp lại chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.
- Chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi được xem xét để cấp lại, hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;
 - + Báo cáo việc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền về khắc phục sai phạm;
 - + Văn bản chứng minh đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định tổ chức sau thời điểm quyết định thu hồi chứng chỉ có hiệu lực đối với trường hợp kiểm định viên không làm việc tại bất kỳ tổ chức kiểm định nào từ 12 tháng trở lên, thực hiện kiểm định không đúng quy trình kiểm định;
 - + 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp lại Chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên

5.8. Lệ phí, phí: không

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên; mẫu chứng chỉ kiểm định viên tại Phụ lục Ic ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân đã được cấp chứng chỉ kiểm định viên có bổ sung, sửa đổi nội

dung chứng chỉ kiểm định viên hoặc chứng chỉ kiểm định viên hết hạn hoặc bị mất, bị hỏng, bị thu hồi. Chứng chỉ kiểm định viên chỉ được xem xét cấp lại sau thời hạn ít nhất 06 tháng kể từ ngày bị thu hồi.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

- Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

B. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo và các hồ sơ có liên quan theo quy định tại Điều 8 Luật Giám định tư pháp gửi về Bộ Xây dựng (Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng là đơn vị được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng);

- Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, đề nghị Bộ trưởng Bộ Xây dựng bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng;

- Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trường hợp từ chối phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Bộ Xây dựng đăng tải danh sách giám định viên tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện: Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Bộ Xây dựng.

1.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng;

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm;

- Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp;

- Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;

- Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng;

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.

1.8. Lệ phí, phí: Không

1.9. Tên Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Điều kiện chung đối với giám định viên tư pháp: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

(2) Điều kiện riêng đối với giám định viên tư pháp xây dựng

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công

việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Đăng ký công bố thông tin đối với cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhu cầu là người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc; tổ chức tư vấn là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh

ng nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ có nhu cầu là tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD, tổ chức tư vấn là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp thông tin theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD gửi về Bộ Xây dựng (Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng là đơn vị được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng);

- Bộ Xây dựng tiếp nhận, tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ thông tin đăng ký công bố.

- Trường hợp hồ sơ thông tin đăng ký công bố chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Xây dựng gửi văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức bổ sung, hoàn thiện theo quy định.

- Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ xây dựng công bố người giám định tư pháp xây dựng, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng

2.2. Cách thức thực hiện: Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Bộ Xây dựng.

2.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với cá nhân: Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học, chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

- Đối với tổ chức: Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân: cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân

thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Tổ chức: Tổ chức tư vấn là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2.8. Lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Giấy công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD;

- Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với người giám định tư pháp theo vụ việc: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên;

Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

(2) Điều kiện riêng đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

b) Đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

- Có tư cách pháp nhân;

- Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

- Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

(2) Điều kiện riêng đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

+ Có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng điều kiện như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định các nội dung nêu trên phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có năng lực thực hiện một trong các công việc kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

3. Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Bộ Xây dựng đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức có thay đổi, điều chỉnh thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng) thì cá nhân, tổ chức đã được công bố có trách nhiệm cung cấp thông tin thay đổi đến Bộ Xây dựng (Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng là đơn vị được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng);

- Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ thông tin, Bộ Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật lại thông tin trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện: Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Bộ Xây dựng.

3.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng;

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

3.8. Lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng).

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;
- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD và các hồ sơ có liên quan theo quy định tại Điều 8 Luật Giám định tư pháp gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng là đơn vị được giao quản lý lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng tại địa phương);

- Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng;

- Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trường hợp từ chối phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố danh sách giám định viên tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

1.2. Cách thức thực hiện:

Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD;

- Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm;

- Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp;

- Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;

- Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu, đáp ứng các điều kiện theo quy định.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.

1.8. Lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Điều kiện chung đối với giám định viên tư pháp: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

(2) Điều kiện riêng đối với giám định viên tư pháp xây dựng

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

2. Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân cung cấp thông tin theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD, tổ chức tư vấn, văn phòng giám định tư pháp xây dựng cung cấp thông tin theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng là đơn vị được giao quản lý lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng tại địa phương);

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận, tổ chức kiểm tra, xem xét hồ sơ thông tin đăng ký công bố;

- Trường hợp hồ sơ thông tin đăng ký công bố chưa đầy đủ, hợp lệ, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị cá nhân, tổ chức, bổ sung hoàn thiện theo quy định.

- Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố người giám định tư pháp xây dựng, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

2.2. Cách thức thực hiện: Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với cá nhân: Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

- Đối với tổ chức: Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng tổ chức phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức có nhu cầu đáp ứng các điều kiện theo quy định, văn

phòng giám định tư pháp xây dựng.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.8. Lệ phí: Không có

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD;
- Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với người giám định tư pháp theo vụ việc: công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên;

Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

(2) Điều kiện riêng đối với người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

+ Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

b) Đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

(1) Điều kiện chung đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

- Có tư cách pháp nhân;

- Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

- Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

(2) Điều kiện riêng đối với tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc:

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng:

+ Có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, kiểm định xây dựng, giám sát thi công xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì giám định phải đáp ứng điều kiện như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

+ Trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng; tổ chức thực hiện phải có đủ điều kiện năng lực để thực hiện một trong các công việc: kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định các nội dung nêu trên phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

+ Có năng lực thực hiện một trong các công việc kiểm định xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

+ Cá nhân chủ trì thực hiện giám định phải đáp ứng điều kiện tương ứng như đối với giám định viên tư pháp xây dựng, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc thực hiện giám định về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình.

c) Đối với văn phòng giám định tư pháp xây dựng

- Được thành lập và được cấp giấy đăng ký hoạt động theo quy định;

- Đáp ứng các yêu cầu về năng lực của tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

3. Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng) thì cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin thay đổi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Xây dựng là đơn vị được giao quản lý lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng tại địa phương);

- Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ thông tin, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và cập nhật lại thông tin trên trang thông tin điện tử theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện

Cá nhân gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Sở Xây dựng

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.8. Lệ phí: Không có

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (đơn vị công tác, địa chỉ thường trú, nội dung giám định tư pháp xây dựng, các bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan đến nội dung giám định tư pháp xây dựng); tổ chức khi có thay đổi, điều chỉnh các thông tin (tên tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, địa chỉ, nội dung giám định tư pháp xây dựng).

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

C. Thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Tối thiểu trước 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc trước 10 ngày đối với các công trình còn lại so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng đến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra;

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc 10 ngày đối với công trình còn lại kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Gửi 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.

1.4. Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 15 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc 10 ngày đối với công trình còn lại kể từ khi kết thúc kiểm tra.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu.

1.8. Lệ phí, phí: Không có. (Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do Chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra;

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc gửi qua đường văn thư.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Gửi 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu

1.8. Lệ phí, phí: Không có. (Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do Chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG /
NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014
của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG /
NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC**

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình	<input type="checkbox"/>	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (liệt kê các	Thông tin chung về công trình
----	-------------------------------------	-------------------------------

	<i>công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)</i>	<i>(Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)</i>
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: *(nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)*

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan,
tổ chức quản lý trực tiếp ⁽²⁾
*(Ghi rõ họ tên, chữ ký,
chức vụ, dấu pháp nhân)*

Người đề nghị
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ Đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

**MẪU THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/
VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014
của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20....

**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/
VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG**

Kính gửi:(1).....

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
Số điện thoại:
Số fax:
Email:
Website (nếu có):
3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):
4. Quyết định thành lập:
Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động:
Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:
6. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình	<input type="checkbox"/>	

7. Thông tin về nhân sự liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng:

a) Số lượng cán bộ, công nhân viên của tổ chức/Văn phòng giám định (chỉ tính người tham gia nộp BHXH) thực hiện công việc liên quan đến hoạt động tư vấn xây dựng:

- Tổng số nhân sự:
 - Tổng số giám định viên tư pháp xây dựng (nếu có):
 - Tổng số người có trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ:
- trong đó tổng số người có năng lực chủ trì trên 10 năm kinh nghiệm theo loại công trình (*dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạ tầng kỹ thuật*):
- Danh sách các cán bộ chuyên môn:

TT	Tên	Chứng chỉ hành nghề/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ		Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
		Mã số chứng chỉ, chứng nhận	Lĩnh vực (Thiết kế, giám sát, ...)/loại CT		
1					

8. Phòng thí nghiệm:

- Mã số Phòng thí nghiệm :
- Số Quyết định công nhận :
- Cơ quan ký quyết định công nhận :

9. Các công việc đã thực hiện trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc thực hiện (<i>liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng</i>)	Thông tin chung về công trình (<i>Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình</i>)
1		

Chúng tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị(1)..... xem xét và công bố trên trang thông tin điện tử./.

(*Gửi kèm theo các bản sao chứng thực: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định công nhận phòng thí nghiệm, các văn bằng chứng chỉ của các cá nhân, hợp đồng lao động, các hợp đồng đã thực hiện và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BXD*)

(2)

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

(1) Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng.

(2) Tổ chức đăng ký hoạt động giám định tư pháp xây dựng

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại: Fax: E-mail:.....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....

Cơ quan cấp: cấp ngày tại

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: Giới tính:.....

Chức vụ:

Quốc tịch Sinh ngày:.....

Số CMND/hộ chiếu/căn cước công dân Cấp ngày tại.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Điện thoại: E-mail:.....

5. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định trong phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định (theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)	Giới hạn đặc tính kỹ thuật (Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)
1	
2	

Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... *(tên tổ chức)* theo phạm vi nêu trên.

6. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:

.....

7. *(Tên tổ chức, doanh nghiệp)* xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.
- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

MẪU DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

(TÊN TỔ CHỨC)

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN/KIỂM ĐỊNH	THỜI HẠN HIỆU CHUẨN	MÃ SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ	TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ
1						
2						
3						
4						

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC...

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

MẪU DANH MỤC TÀI LIỆU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

(TÊN TỔ CHỨC)

DANH MỤC TÀI LIỆU PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH

STT	Tên tài liệu	Ký hiệu văn bản	Tình trạng hiệu lực	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
.....					

....., ngày tháng năm.....

Đại diện Tổ chức....

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH PHÂN CÔNG KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

(TÊN TỔ CHỨC)

DANH SÁCH PHÂN CÔNG KIỂM ĐỊNH VIÊN

STT	Họ và tên	Phạm vi kiểm định	Số hiệu kiểm định viên (nếu có)
1			
2			
3			
4			
.....			

....., ngày tháng năm.....

Đại diện Tổ chức....

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI (GIA HẠN) GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI (GIA HẠN) GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT
ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc:.....
3. Điện thoại: Fax: E-mail:.....
3. Được thành lập theo Quyết định /Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: cấp ngày tại.....
4. Người đại diện theo pháp luật:
Họ tên:Giới tính:.....
Chức vụ:.....
Quốc tịch Sinh ngày:.....
Số CMND/hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân Cấp ngày tại.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Điện thoại: E-mail:.....
5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp số:; Ngày hết hiệu lực:.....
6. Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp lại (gia hạn) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)</i>	Giới hạn đặc tính kỹ thuật <i>(giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)</i>
1	
2	

- Lý do (trong trường hợp đề nghị gia hạn, không cần điền thông tin ở mục này)
.....

7. Tài liệu kèm theo gồm có:

-

8. (Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC.....

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN
(Kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (HOẶC CẤP LẠI) CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Kính gửi:

Họ và tên:Ngày sinh

Địa chỉ:

Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân...ngày cấpnơi cấp....

Trình độ học vấn:điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)